

BAN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CỦA CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HÓA VÀ CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HÓA KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HÓA

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 2 Phan Chu Trinh– Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 0750

Fax: (84.4) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HÓA

Địa chỉ: 100 Triệu Quốc Đạt, P. Điện Biên, TP Thanh Hóa

Điện thoại: (84.37) 3852409

Fax: (84.37) 3850127

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 1, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888

Fax: (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368

Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777

Fax: (84-511) 3525 779



Biên cơ hội thành giá trị

Tháng 03 năm 2013

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	4
1. Tổ chức phát hành	4
2. Cổ phần chào bán đấu giá.....	4
3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần	5
4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc.....	6
5. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI	6
II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH.....	7
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .	9
V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	10
1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa	10
2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa	11
3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty	12
4. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu	13
5. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần	14
6. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2011	15
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	17
8. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa	24
9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	24
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	32
VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ ...	33
1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh	33
2. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần	34
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá.....	36
4. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	39
5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần	39
VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	40
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....	41

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	41
1. Rủi ro về nền kinh tế	41
2. Rủi ro về luật pháp	42
3. Rủi ro đặc thù	42
4. Rủi ro về lãi suất và huy động vốn:	42
5. Rủi ro của đợt chào bán	42
6. Các rủi ro khác.....	43
X. THAY LỜI KẾT	43

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**1. Tổ chức phát hành**

– Tên Công ty	:	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại miền núi Thanh Hóa
– Địa chỉ	:	Số 100 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
– Điện thoại	:	037 3852409
– Fax	:	037 3850127
– Vốn điều lệ Công ty cổ phần	:	86.000.000.000 đồng
– Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
– Tổng số lượng cổ phần	:	8.600.000 cổ phần

Trong đó

❖ <i>Cổ phần nhà nước</i>	:	<i>4.386.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ</i>
❖ <i>Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động</i>	:	<i>1.034.800 cổ phần, chiếm 12,04% vốn điều lệ</i>
❖ <i>Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược</i>	:	<i>1.589.600 cổ phần, chiếm 18,48% vốn điều lệ</i>
❖ <i>Các nhà đầu tư qua đấu giá</i>	:	<i>1.589.600 cổ phần, chiếm 18,48% vốn điều lệ</i>

2. Cổ phần chào bán đầu giá

– Số lượng cổ phần chào bán đầu giá	:	1.589.600 cổ phần, bằng 18,48% vốn điều lệ
– Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông
– Hình thức phát hành	:	Bán cổ phần phát hành lần đầu của Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước cổ phần hoá theo phương thức đấu giá qua tổ chức trung gian
– Phương thức đấu giá	:	Đấu giá theo mô hình đấu giá hai cấp tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
– Giá khởi điểm bán đầu giá	:	10.000 đồng/cổ phần
– Đặt cọc	:	Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
– Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu	:	100 cổ phần

- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư : 1.589.600 cổ phần được đăng ký mua tối đa

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

3.1 Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:

Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH một thành viên Thương mại miền núi Thanh Hóa do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

3.2 Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự đấu giá, nộp tiền cọc và nhận phiếu đấu giá:

Theo thời gian được ghi tại Quy chế đấu giá.

3.3 Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá

- (1) Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.
- (2) Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.
- (3) Đảm bảo đủ điều kiện tham gia đầu tư, đấu giá mua cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- (4) Có các giấy tờ liên quan khác:

 *Đối với cá nhân trong nước:*

- Xuất trình CMND, giấy tờ tùy thân hợp lệ để tiến hành đối chiếu.
- Khai địa chỉ cụ thể, chính xác và rõ ràng.

 *Đối với tổ chức trong nước:*

- Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được ủy quyền phải mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.
- Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập...)

 *Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài:*

- Bản sao Hộ chiếu/CMND (trường hợp ủy quyền đấu giá cho người Việt Nam).
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).

- Xuất trình giấy mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đối với tổ chức: Ngoài các hồ sơ trên, cần có thêm Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập...), Công văn ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tổ chức đó tham dự đấu giá (trong trường hợp đây không phải là người đại diện pháp lý của tổ chức đó).

3.4 Quy định về nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần:

Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản của các đại lý đấu giá được công bố trong quy chế đấu giá

3.5 Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá:

- **Đối với nhà đầu tư trong nước:** Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **1.589.600** cổ phần.
- **Đối với nhà đầu tư nước ngoài:** Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **1.589.600** cổ phần.

4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

❖ Thời gian tổ chức buổi đấu giá:

Theo thời gian được quy định tại **Quy chế đấu giá**.

❖ Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84- 4) 39360750

Fax: (84-4) 39347818.

❖ Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng được công bố trong quy chế đấu giá.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Địa điểm: Tại các địa điểm đã đăng ký tham dự đấu giá.

5. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 - TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Số điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 0511. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 - 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 07/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa;
- Quyết định số 617/ QĐ-UBND ngày 07/03/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa ;
- Quyết định số 539/QĐ-BCĐ CPH ngày 12/03/2012 của Sở Tài chính về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa;
- Quyết định số 3544/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa;
- Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Hợp đồng số 239/2013/SHS-HĐTV ngày 25/02/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa về dịch vụ tư vấn bán đấu giá cổ phần;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá:

- **Ông Nguyễn Lương Thăng** Chức vụ: Phó giám đốc Sở tài chính - Trưởng ban

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HÓA

- **Ông Nguyễn Đình Tự** Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc
- **Bà Nguyễn Thị Xuyên** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

- **Ông Vũ Đức Tiến** Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 08/2013/UQ-TGD ngày 02/03/2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

- Công ty : Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa
- Doanh nghiệp cổ phần hóa : Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa
- UBND : Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- SHS : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa****• Thông tin khái quát**

- Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa**
- Địa chỉ: Số 100 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại: 037 3852409
- Fax: 0373 850127
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nhà nước: Số 2800119738 do Sở kế hoạch đầu tư Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 06/08/2010
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: Thương mại – dịch vụ

• Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH một thành viên Thương mại miền núi Thanh Hoá, tiền thân là Công ty Thương mại miền núi Thanh Hoá, được thành lập theo Quyết định số 1005/QĐ-UBTH ngày 01/11/1990 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

Năm 1999, thực hiện theo Quyết định số 2418/QĐ-UB ngày 29/10/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá, Công ty tiến hành đổi tên thành công ty Thương mại và Đầu tư phát triển miền núi Thanh Hoá.

Năm 2010, căn cứ theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá, Công ty thực hiện chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên Thương mại miền núi Thanh Hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800119738 do Sở kế hoạch đầu tư Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 06/08/2010.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, đến nay, Công ty đã xây dựng được hệ thống bán hàng rộng khắp địa phương của tỉnh Thanh Hoá, cụ thể:

- Hệ thống mạng lưới bán lẻ ở 11 huyện miền núi với 14 cụm thương mại, 67 cửa hàng bán lẻ, 25 cửa hàng Xăng dầu và hệ thống đại lý bán buôn, bán lẻ trong toàn tỉnh.
- Hệ thống mạng lưới dịch vụ với 8 nhà nghỉ tại 11 huyện miền núi, trong đó với 3 tổ hợp gồm nhà hàng, nhà nghỉ, xông hơi massage.
- Hệ thống kho chứa hàng gồm: 03 kho Vật tư kỹ thuật tại Thành phố Thanh Hoá diện tích trên 1.600m² (chưa kể diện tích kho bãi ngoài trời) và hệ thống kho tại các

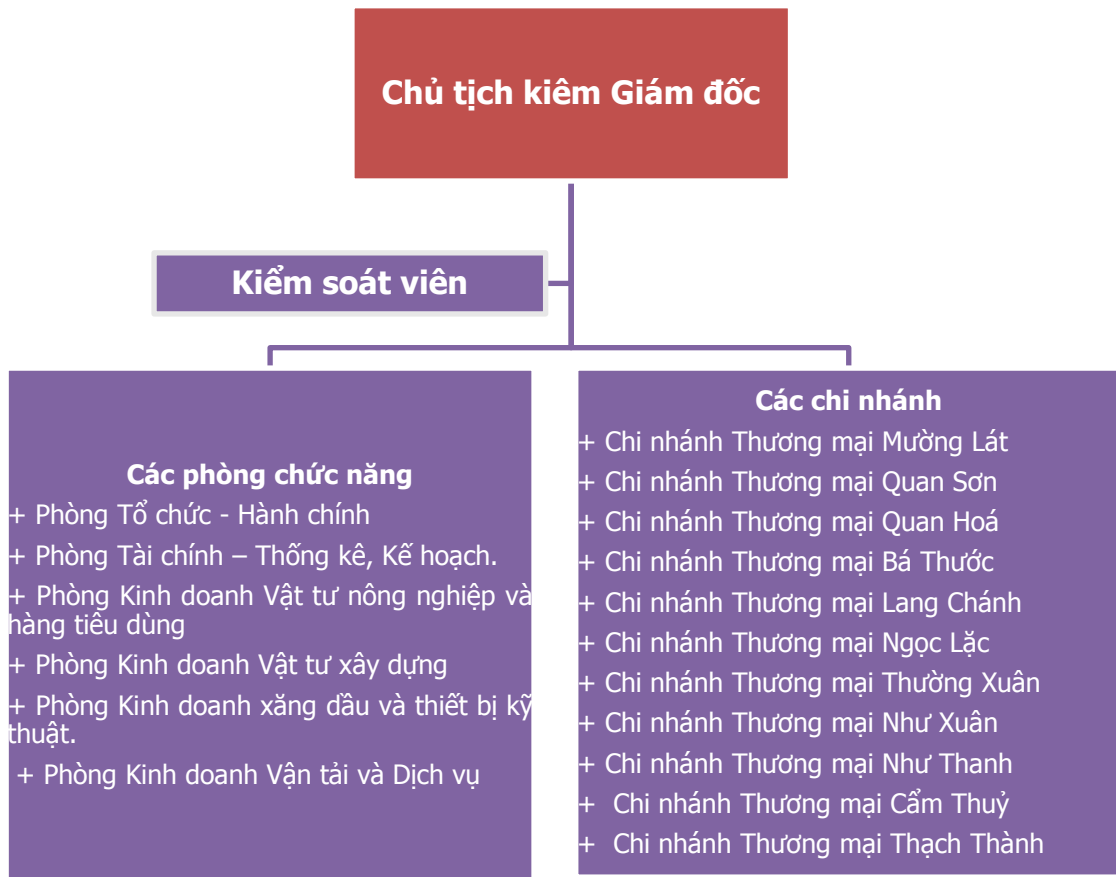
chi nhánh 3.000m²; Hệ thống kho xăng dầu gồm 02 tổng kho tại Thành phố Thanh Hóa có sức chứa 3.000m³ và các kho tại 11 huyện miền núi có sức chứa 3.000 m³.

- Đội xe vận tải với 25 đầu xe tải trọng từ 12 tấn trở lên, trong đó có 9 xe chuyên dụng.

2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800119738 do Sở kế hoạch đầu tư Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 06/08/2010, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn, bán lẻ gạo, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá;
- Bán lẻ hàng may mặc, đồ dùng gia đình, điện gia dụng, gốm, sứ thủy tinh và thiết bị gia đình khác
- Bán buôn, bán lẻ đồ uống có cồn: bia, rượu, nước giải khát;
- Bán buôn, bán lẻ hàng vật tư kỹ thuật, phục vụ sản xuất: tre, nứa, phân bón, sắt, thép, xi măng, gạch ngói, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn, bán lẻ mô tô, xe máy, xe đạp và phụ tùng mô tô xe máy;
- Bán buôn, bán lẻ hàng may mặc;
- Bán buôn, bán lẻ xăng, dầu, nhớt và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ hàng hóa vật tư phục vụ tiêu dùng (dầu hỏa, than nhiên liệu, gas, bếp gas và phụ kiện);
- Dịch vụ ăn uống, khách sạn, nhà nghỉ, massage, giặt, là;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất, chế biến lâm sản (không bao gồm các loại lâm sản Nhà nước cấm);
- Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa./.

3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

- Cơ cấu tổ chức quản lý công ty bao gồm: Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty và Kiểm soát viên. Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.
- Bộ máy giúp việc: 03 phó giám đốc, kế toán trưởng và 01 kiểm soát viên không chuyên trách và 06 phòng chức năng chuyên môn, nghiệp vụ. Các phòng chức năng có nhiệm vụ:
 - ✓ Tham mưu cho lãnh đạo công ty theo chức năng được Chủ tịch công ty qui định.
 - ✓ Xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chức năng.
 - ✓ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Chi nhánh trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
 - ✓ Tổ chức hoạt động kinh doanh các lĩnh vực được phân công.
- Công ty có 11 chi nhánh trực thuộc có chức năng, nhiệm vụ:
 - ✓ Tổ chức các hoạt động kinh doanh – phục vụ theo ngành nghề đăng ký kinh doanh trên địa bàn được phân công.
 - ✓ Ổn định và phát triển thị trường trên địa bàn và ngoài địa bàn.
 - ✓ Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch công ty giao.

- ✓ Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao, tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động.

4. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu

Là một đơn vị kinh doanh Thương mại – dịch vụ, cung cấp sản phẩm hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân nói chung, sản phẩm hàng hóa – dịch vụ chủ yếu của Công ty gồm:

a. Kinh doanh Vật tư nông nghiệp.

Mặt hàng kinh doanh chủ yếu là các loại phân bón như Đạm, Lân, kali, phân tổng hợp NPK, đây là mặt hàng chủ lực phục vụ phát triển sản xuất đối với miền núi, với kinh nghiệm và bề dày truyền thống phục vụ miền núi, được các cấp chính quyền địa phương đồng tình ủng hộ, tạo điều kiện và đông đảo đồng bào miền núi tin tưởng. Hiện công ty là đại lý cấp I tiêu thụ các sản phẩm Phân bón Lâm Thao, phân bón Thiên Nông và một số nhà máy phân bón khác.

b. Kinh doanh hàng hoá tiêu dùng thiết yếu.

Công ty luôn xác định và duy trì kinh doanh các mặt hàng truyền thống, hàng thiết yếu phục vụ đồng bào miền núi là như: Lương thực, muối ăn, thực phẩm Công nghệ, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu khác...vừa là khai thác lợi thế mạng lưới, vừa là trách nhiệm phục vụ.

c. Kinh doanh xăng dầu.

Công ty với năng lực gồm: hệ thống kho dự trữ, trung chuyển xăng dầu gồm 02 tổng kho tại Thành phố Thanh Hoá có sức chứa trên 2.500m³; 25 cửa hàng xăng dầu tại 11 huyện miền núi có sức chứa trên 1.000 m³ và hệ thống các cửa hàng đại lý bán lẻ xăng dầu; bộ phận vận tải với 05 xe bồn tự tổ chức vận chuyển hàng cho các cửa hàng và 02 xe hợp đồng vận chuyển thường xuyên. Hiện Công ty là tổng đại lý của Công ty thành viên thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

d. Kinh doanh Vật liệu xây dựng

Mặt hàng kinh doanh chủ yếu là Xi măng, sắt thép. Công ty có hệ thống mạng lưới, quầy hàng trên 11 huyện miền núi và mạng lưới các đại lý bán hàng trong toàn tỉnh, có đội xe vận tải đủ đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng cho khách. Hiện nay công ty là nhà phân phối của Công ty Xi măng Nghi Sơn, của Xi măng The Vissai, xi măng Bim Sơn...

e. Kinh doanh dịch vụ

❖ Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ.

Trong những năm gần đây, Công ty đã đưa kinh doanh dịch vụ: ăn uống, giải khát, nhà nghỉ, xông hơi massage tại các huyện miền núi vào danh mục kinh doanh chính, từng bước đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch. Đến nay cơ bản hầu hết các huyện

miền núi có nhà nghỉ, trong đó có 03 tổ hợp nhà hàng, nhà nghỉ, hoạt động ổn định và có hiệu quả.

❖ **Dịch vụ giữ xe, cho thuê kho bãi**

Công ty có kho bãi tại thành phố Thanh Hoá, với tổng diện tích mặt bằng là: 5.069 m², trong đó diện tích kho là 1.500m², đưa vào sử dụng, khai thác với các hình thức dịch vụ giữ xe ô tô và cho thuê kho bãi.

❖ **Dịch vụ vận tải:** Bộ phận vận tải của công ty hiện tại chủ yếu vận chuyển hàng hoá phục vụ cho kinh doanh trong nội bộ. Công ty đã chủ động trong vận chuyển, cung ứng hàng hóa đáp ứng yêu cầu phục vụ kinh doanh thường xuyên và phục vụ nhiệm vụ đột xuất được giao.

5. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần

5.1. Thu nhập CBCNV

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng quỹ lương (đồng)	8.788.396.553	9.035.970.716	11.242.682.692
2	Tổng số lao động (người)	338	345	361
3	Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	2.441.000	2.268.000	3.400.000

5.2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty sau khi cổ phần hóa

- ❖ Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động trước cổ phần hóa là: **361 người**
- ❖ Phân loại lao động của Công ty trước Cổ phần hóa như sau:

Cán bộ	31/12/11		31/12/12	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	345	100	361	100
1. Trình độ trên đại học	-	-	-	-
2. Trình độ đại học	50	14,49	55	15,24
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	126	36,52	136	37,67
4. Công nhân kỹ thuật	169	48,99	170	47,09
5. Lao động khác	-	-	-	-
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	345	100	361	100
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	12	3,48	4	1,11

Cán bộ	31/12/11		31/12/12	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
2. Lao động không xác định thời hạn	333	96.52	357	98.89

❖ Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hóa

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Trình độ đại học trên đại học	-	-
2. Trình độ đại học	52	16.35
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	126	39.62
4. Công nhân kỹ thuật	140	44.03
5. Lao động khác	-	-
Tổng cộng	318	100.00

6. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2011

Theo Quyết định 3544/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa, theo đó Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa ngày 31/12/2011 là **145.643.450.423 đồng** (Một trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, bốn trăm hai mươi ba đồng). Trong đó: Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là **54.069.805.579 đồng** (Năm mươi tư tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm linh năm nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng).

Số liệu theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2011 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	138.207.549.850	145.643.450.423	7.435.900.573
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	59.551.947.917	66.437.362.489	6.885.414.573
1. Tài sản cố định	51.905.087.603	59.147.213.237	7.242.125.634
a. TSCĐ hữu hình	51.905.087.603	59.147.213.237	7.242.125.634
b. TSCĐ vô hình	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	-
3. Chi phí XDCB dở dang	111.724.727	111.724.727	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
4. Chi phí trả trước dài hạn	1.535.135.587	1.178.424.525	(356.711.062)
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	77.455.601.933	77.455.601.933	-
1. Tiền:	7.912.653.160	7.912.653.160	-
+ Tiền mặt tồn quỹ	3.148.699.518	3.148.699.518	-
+ Tiền gửi ngân hàng	4.763.953.642	4.763.953.642	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	35.683.566.131	35.683.566.131	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	32.384.356.248	32.384.356.248	-
5. TSLĐ khác	1.475.026.394	1.475.026.394	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	1.200.000.000	1.750.486.000	550.486.000
B. Tài sản không cần dùng	207.577.439	207.577.439	
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	207.577.439	207.577.439	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	1.000.000	1.000.000	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	1.000.000	1.000.000	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho SXKD)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	138.416.127.289	145.852.027.862	7.435.900.573
Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	138.027.549.850	145.643.450.423	7.435.900.573
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	85.362.565.432	85.573.644.844	211.079.421
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	52.844.984.418	60.069.805.579	7.224.821.161

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
Trong đó: Giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào Công ty CP du lịch Thanh Hoá loại khỏi giá trị doanh nghiệp	6.000.000.000	6.000.000.000	-
GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	46.844.984.418	54.069.805.579	7.224.821.161

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Kiểm toán Việt)

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

- **Đất đai:** Tổng diện tích đất đai Công ty đang sử dụng là: 93.030,6 m², trong đó:

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất sau CPH
I	TP Thanh Hóa	10.667,7			Đất thuê		
1	Phường Điện Biên	1.920,0	Văn phòng trụ sở Công ty	Trụ sở Công ty	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa	8 năm, Đến 01/01/2016	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Phường Phú Sơn	383,5	Nhà kho	Kho trung chuyển dầu hoả lên miền núi	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 66/HĐTD ngày 27/03/2012	50 năm. Đến 14/11/2061	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Phường Phú Sơn	525,8	Cửa hàng	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 158/HĐTD ngày 07/11/2007	30 năm. Đến 15/10/2037	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Phường Phú Sơn	230,0	Nhà kho	Xây dựng kho vật tư	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 162/HĐTD ngày 24/07/2007	10 năm. Đến 01/01/2016	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Phường Phú Sơn	2.818,4	Nhà kho	Nhà kho chứa hàng	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 152/HĐTD ngày 07/11/2007	30 năm. Đến 31/08/2037	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
6	Phường Phú Sơn	2.185,0	Làm đường vào kho và bãi đỗ xe	Đất giao thông và kinh doanh	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 151/HĐTD ngày 07/11/2007	30 năm. Đến 11/09/2037	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
7	Xã Quảng Hưng	2.605,0	Kho xăng dầu	Xây dựng kho xăng dầu tuyến sau cảng Lê Môn	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTD ngày 12/03/2009	30 năm. Đến 23/01/2039	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
II	Chi nhánh TM Mường Lát	4.181,1			Đất thuê		
1	Thị trấn Mường Lát	1.452,4	Cửa hàng và xăng dầu	Cửa hàng thương mại và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 67/HĐTD ngày 31/05/2007	12 năm. Đến 15/10/2043	Chuyển nguyên trạng sang CTCP

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất sau CPH
2	Xã Quang Chiêu	1.028,7	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 63/HĐTD ngày 12/05/2011	20 năm. Đến 22/01/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Xã Tèn Tấn	1.200,0	Cửa hàng	Cửa hàng xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 205/HĐTD ngày 11/10/2011	50 năm. Đến 11/06/2060	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Pù Nhi	500,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 66/HĐTD ngày 28/04/2010	20 năm. Đến 08/02/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
III	Chi nhánh TM Quan Hóa	4.403,5			Đất thuê		
1	Thị trấn Quan Hóa	2.190,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 115/HĐTD ngày 20/05/2008	18 năm. Đến 01/01/2026	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Xã Nam Tiến	200,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 178/HĐTD ngày 23/11/2007	18 năm. Đến 01/01/2026	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Xã Nam Đồng	589,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 177/HĐTD ngày 23/11/2007	18 năm. Đến 01/01/2026	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Hiền Chung	150,5	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 80/HĐTD ngày 10/05/2010	20 năm. Đến 05/01/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Xã Hiền Kiệt	419,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 98/HĐTD ngày 06/05/2008	18 năm. Đến 01/01/2026	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
6	Xã Phú Lệ	605,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 99/HĐTD ngày 06/05/2008	18 năm. Đến 01/01/2026	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
7	Xã Thành Sơn	250,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 81/HĐTD ngày 10/05/2010	30 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
IV	Chi nhánh TM Quan Sơn	3.824,0			Đất thuê		
1	Xã Na Mèo	1.571,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 76a/HĐTD ngày 04/07/2007	48 năm. Đến 01/01/2056	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Thị trấn Quan Sơn	1.587,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 47/HĐTD ngày 23/03/2010	20 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất sau CPH
3	Xã Sơn Điện	454,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 62/HĐTD ngày 12/05/2011	20 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Trung Hạ	212,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD ngày 03/03/2010	20 năm. Đến 01/01/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
V	Chi nhánh TM Bá Thước	6.651,2			Đất thuê		
1	Thị trấn Cảnh Nang	2.136,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 227/HĐTD ngày 14/12/2010	Đến 15/01/2057	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Xã Thiết Ống	188,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 189/HĐTD ngày 07/12/2007	20 năm. Đến 24/01/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Xã Thiết Ống	120,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 183/HĐTD ngày 29/11/2007	20 năm. Đến 22/01/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Thiết Ống	281,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 219/HĐTD ngày 24/11/2009	20 năm. Đến 21/10/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Xã Thiết Ống	1.186,3	Cửa hàng	Cửa hàng xăng dầu dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 231/HĐTD ngày 14/12/2010	20 năm. Đến 22/01/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
6	Xã Thiết Kế	60,9	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 181/HĐTD ngày 27/11/2007	20 năm. Đến 24/01/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
7	Xã Đền Lư	459,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 24/01/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa	20 năm. Đến 24/01/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
8	Xã Lương Ngoại	1.008,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 228/HĐTD ngày 14/12/2010	20 năm. Đến 12/02/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
9	Xã Lương Trung	469,0	Đất cơ sở kinh doanh	Kinh doanh tổng hợp	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 59/HĐTD ngày 09/05/2011	20 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
10	Xã Lũng Niêm	455,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 186/HĐTD ngày 05/12/2007	20 năm. Đến 24/01/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
11	Xã Ban Công	288,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 46/HĐTD ngày 23/03/2010	20 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất sau CPH
VI	Chi nhánh TM Lang Chánh	5.155,0			Đất thuê		
1	Thị trấn Lang Chánh	2.738,0	Cửa hàng	Cửa hàng xăng dầu dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 180/HĐTD ngày 29/09/2010	26 năm. Đến 01/03/2037	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Thị trấn Lang Chánh	355,0	Cửa hàng	Cửa hàng kinh doanh	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 220/HĐTD ngày 24/11/2009	16 năm. Đến 01/01/2026	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Xã Yên Thắng	1.122,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ, xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 64/HĐTD ngày 12/05/2011	19 năm. Đến 26/01/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Yên Thắng	419,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 37/HĐTD ngày 05/03/2010	20 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Xã Giao An	121,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 279/HĐTD ngày 31/12/2010	20 năm. Đến 11/06/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
6	Xã Lâm Phú	400,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 122/HĐTD ngày 06/07/2010	20 năm. Đến 26/01/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
VII	Chi nhánh TM Ngọc Lặc	21.515,6			Đất thuê + mua		
1	Thị trấn Ngọc Lặc	4.281,3	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Giấy chứng nhận QSD đất số BC044530 cấp ngày 13/07/2010	6 năm. Đến 01/01/2016	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Thị trấn Ngọc Lặc	12.157,0	Cửa hàng	Khu dịch vụ thương mại	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 741/HĐTD ngày 17/07/2000	Đang gia hạn cho thuê đất	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Xã Kiên Thọ	1.261,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 690/HĐTD ngày 13/01/2000	16 năm. Đến 01/01/2016	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Cao Ngọc	561,3	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa	20 năm. Đến 05/01/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Thôn Thọ Phú, xã Kiên Thọ	2.030,0	Đất ở	Đất ở	Đất mua theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/12/2010 với Ông Phạm Văn Vinh, Giấy chứng nhận QSD đất số AE904539	Đất ở	Chuyển nguyên trạng sang CTCP

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất sau CPH
		1.225,0	Đất ở	Đất ở	Đất mua theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/12/2010 với Bà Vũ Thị Huyền, Giấy chứng nhận QSD đất số AQ139595	Đất ở	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
VIII	Chi nhánh TM Thường Xuân	6.083,0			Đất thuê		
1	Thị trấn Thường Xuân	4.132,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 211/HĐTĐ ngày 24/11/2010	9 năm. Đến 23/12/2019	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Thị trấn Thường Xuân	50,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 168/HĐTĐ ngày 01/11/2007	19 năm. Đến 15/03/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Xã Luận Thành	626,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 73/HĐTĐ ngày 18/05/2011	8 năm. Đến 01/11/2019	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Vạn Xuân	365,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 170/HĐTĐ ngày 01/11/2007	19 năm. Đến 14/02/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Xã Bát Mọt	640,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 169/HĐTĐ ngày 01/11/2007	19 năm. Đến 12/02/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
6	Xã Lương Sơn	109,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 130/HĐTĐ ngày 19/07/2010	19 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
7	Xã Tân Thành	161,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 153/HĐTĐ ngày 13/08/2010	19 năm. Đến 05/01/2030	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
IX	Chi nhánh TM Như Xuân	3.299,0			Đất thuê		
1	Thị trấn Yên Cát	2.456,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 36/HĐTĐ ngày 24/04/2009	10 năm. Đến 23/12/2019	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Thị trấn Bãi Trành	843,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 58/HĐTĐ ngày 09/05/2011	19 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
X	Chi nhánh TM Như Thanh	5.004,0			Đất thuê		
1	Thị trấn Bến Sung	817,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 185/HĐTĐ ngày 03/12/2007	48 năm. Đến 01/01/2056	Chuyển nguyên trạng sang CTCP

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất sau CPH
2	Thị trấn Bến Sung	684,0	Cửa hàng	Cửa hàng Xăng dầu và Kho vật tư tổng hợp	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 65/HĐTĐ ngày 12/05/2011	19 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Thị trấn Bến Sung	2.192,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 239/HĐTĐ ngày 15/12/2010	50 năm. Đến 22/09/2060	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Thanh Tân	900,0	Kho + Cửa hàng	Kho và cửa hàng vật tư tổng hợp, kinh doanh xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 908/HĐTĐ ngày 18/04/2002	20 năm. Đến 18/04/2022	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Xã Mậu Lâm	411,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 86/HĐTĐ ngày 26/05/2010	20 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
XI	Chi nhánh TM Cẩm Thủy	6.691,6			Đất thuê + giao		
1	Thị trấn Cẩm Thủy	4.020,6	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 148/HĐTĐ ngày 30/10/2007	28 năm. Đến 01/01/2036	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Xã Cẩm Phong	667,3	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 149/HĐTĐ ngày 30/10/2007	18 năm. Đến 01/01/2026	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
3	Xã Cẩm Thành	611,7	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại, dịch vụ và xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 28/08/1999 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Đến 01/01/2006 - Chưa gia hạn	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Cẩm Quý	500,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 60/HĐTĐ ngày 12/05/2011	19 năm. Đến 31/12/2029	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Xã Cẩm Tân	892,0	Cửa hàng	Cửa hàng xăng dầu	Đất giao, đã nộp tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận QSD đất số AB889796 ngày 05/05/2005	50 năm. Đến 28/01/2055	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
XII	Chi nhánh TM Thạch Thành	2.473,1			Đất thuê +giao		
1	Thị trấn Kim Tân	1.178,0	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 95/HĐTĐ ngày 17/08/2007	30 năm. Đến 12/02/2037	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
2	Thị trấn Kim Tân	450,0	Cửa hàng	Cửa hàng xăng dầu	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 103/HĐTĐ ngày 17/08/2007	30 năm. Đến 07/02/2037	Chuyển nguyên trạng sang CTCP

Stt	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất sau CPH
3	Xã Thành Kim	382,5	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 97/HĐTD ngày 17/08/2007	20 năm. Đến 13/02/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
4	Xã Thạch Bình	320,3	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 102/HĐTD ngày 17/08/2007	20 năm. Đến 08/02/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
5	Xã Thành Long	50,4	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 96/HĐTD ngày 17/08/2007	20 năm. Đến 08/02/2027	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
6	Xã Thạch Sơn	91,9	Cửa hàng	Cửa hàng thương mại và dịch vụ	Đất giao, đã nộp tiền sử dụng đầy, Quyết định số 3575/QĐ-UB ngày 08/10/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa	65 năm. Đến ngày 08/10/2065	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
XIII	CHXD Lam Kinh, Thọ Xương, Thọ Xuân	13.735,0			Đất thuê		
1	Xã Thọ Xương	13.735,0	Cửa hàng	Cửa hàng xăng dầu và khu dịch vụ thương mại	Đất thuê trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 42/HĐTD ngày 18/04/2005	50 năm. Đến 17/01/2055	Chuyển nguyên trạng sang CTCP
	TỔNG CỘNG	93.036,6					

Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty

▪ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2011**

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	64.985.132.287	43.385.648.461	66,76%
2	Máy móc, thiết bị	8.577.250.378	3.424.959.920	39,93%
3	Phương tiện vận tải và TBDCQL	10.969.604.110	6.433.041.411	58,64%
	Cộng	84.531.986.775	53.243.649.792	62,99%

Nguồn: BCTC năm 2011 đã kiểm toán của Công ty

▪ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2012**

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	70.961.135.456	46.936.380.133	66,14%

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
2	Máy móc, thiết bị	9.167.580.299	3.658.912.695	39,91%
3	Phương tiện vận tải và TBDCQL	12.443.055.955	6.923.337.235	55,64%
	Cộng	92.571.771.710	57.518.630.063	62,13%

Nguồn: BCTC năm 2012 chưa kiểm toán của Công ty

8. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa

- **Công ty mẹ:** Không có công ty mẹ
- **Các công ty con:** Không có công ty con
- **Các công ty liên kết:** Không có công ty liên kết

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

9.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

9.1.1. Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ qua các năm

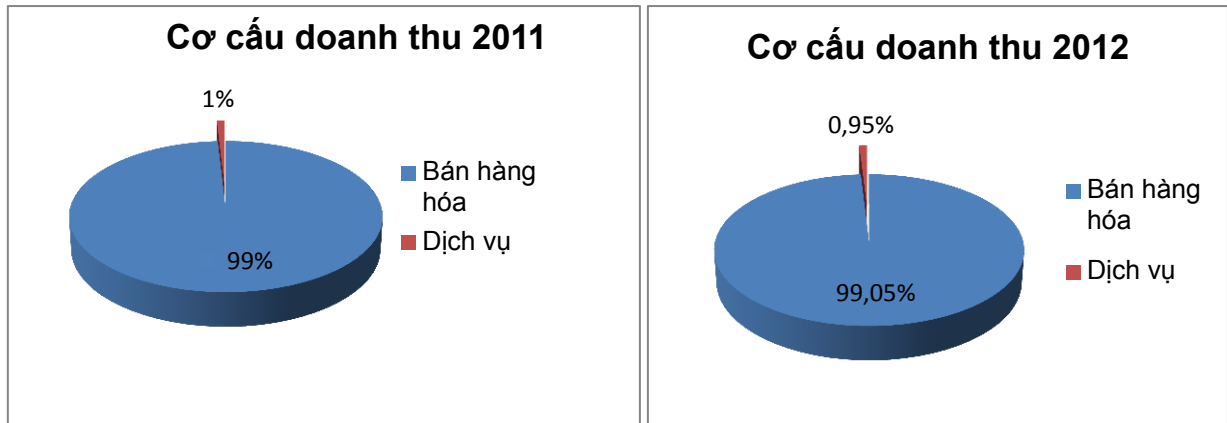
❖ *Doanh thu thuần*

Đơn vị tính: triệu đồng

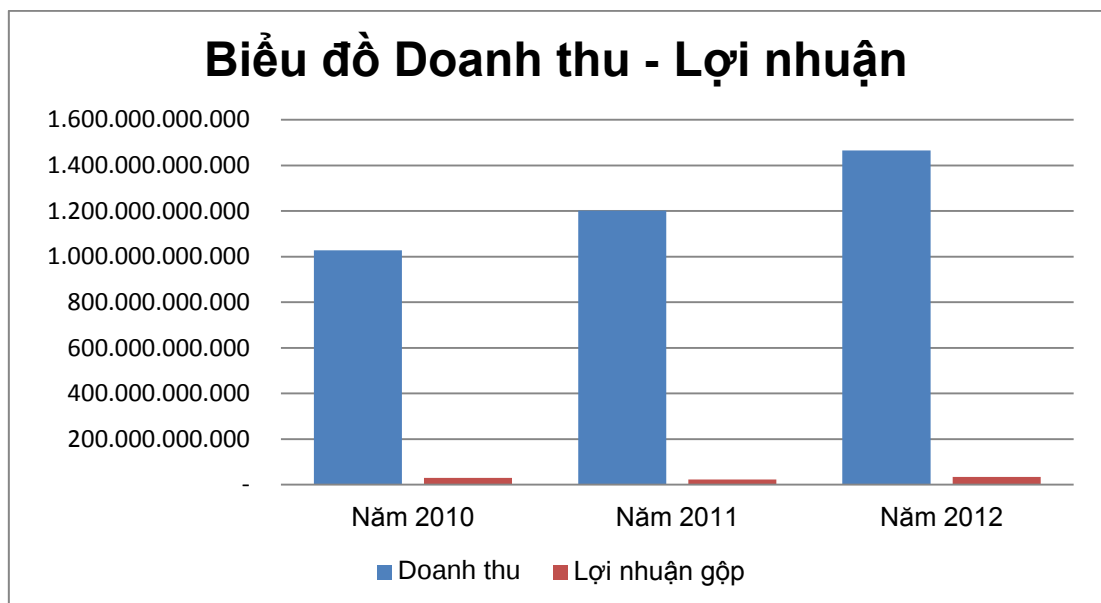
TT	Doanh thu thuần	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Bán hàng hóa	1.016.938,9	99,0%	1.190.852,9	99,10%	1.451.702,5	99,05%
2	Dịch vụ	10.454,9	1,0%	10.785,7	0,90%	13.856,9	0,95%
	Tổng	1.027.393,8	100,00%	1.201.638,6	100,00%	1.465.559,4	100,00%

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 đã kiểm toán và BCTC năm 2012 chưa kiểm toán

Doanh thu của Công ty được đóng góp chủ yếu từ hoạt động kinh doanh thương mại, chủ yếu là buôn bán xi măng, xăng dầu và phân bón Doanh thu của hoạt động kinh doanh này chiếm khoảng 99% tổng doanh thu của Công ty. Còn lại các dịch vụ ăn uống, giải khát, lưu trú du lịch và các dịch vụ khác chiếm một phần không đáng kể, chỉ chiếm 1%.

❖ *Lãi gộp từ các mảng kinh doanh**Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Hoạt động	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng
1	Bán hàng hóa	26.765,3	87,1%	21.997,2	81,1%	27.256,5	75,4%
2	Dịch vụ	3.973,0	12,9%	5.130,1	18,9%	8.913,0	24,6%
	Lãi gộp các mảng hoạt động	30.738	100,00%	27.127	100,00%	36.169,5	100,00%
	Hao hụt mất mát HTK	1109,1		4.294,5		1.312	
	Tổng lãi gộp	29.629		22.832,8		34.858,0	

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 đã kiểm toán và BCTC năm 2012 chưa kiểm toán

Qua số liệu kinh doanh của Công ty cho thấy doanh thu cơ bản là tăng trưởng đều qua các năm, nhưng hiệu quả kinh doanh đạt thấp, lãi gộp các năm 2010, 2011, 2013 tương ứng là 2,9%, 1,9%, 2,4%. Nguyên nhân là do công ty vừa kinh doanh, vừa phải làm

nhiệm vụ phục vụ đối với đồng bào các dân tộc miền núi được tỉnh giao, với hệ thống mạng lưới rộng, phân tán chủ yếu ở miền núi, nhiều cửa hàng, quầy hàng ở khu vực vùng cao, vùng xa chủ yếu làm nhiệm vụ phục vụ nên doanh thu thấp, chênh lệch lãi gộp không đủ chi trả lương cho người lao động, Công ty thường phải điều tiết từ các đơn vị khác để bù. Mặt khác, hiệu quả kinh doanh giảm do suy thoái kinh tế toàn cầu nên ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, sức mua của dân và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

9.1.2. Nguồn cung cấp hàng hóa đầu vào

- **Nguồn cung cấp hàng hóa:** Nguồn hàng hóa đầu vào của Công ty được lấy từ các nhà máy sản xuất phân bón, sản xuất xi măng, Công ty xăng dầu đầu mối lớn trong tỉnh hoặc các tỉnh phụ cận khác.
- **Sự ổn định của các nguồn cung ứng hàng hóa:** Công ty đang đóng vai trò là đại lý bán buôn và bán lẻ của các nhà máy sản xuất, số lượng hàng hóa tiêu thụ qua Công ty rất nhiều nên các nhà cung ứng hàng hóa luôn đáp ứng đủ nguồn hàng với số lượng và chất lượng đảm bảo.
- **Ảnh hưởng của giá hàng hóa đầu vào đến doanh thu và lợi nhuận:** Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vì vậy, sự biến động về giá cả hàng hóa đầu vào là nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế các rủi ro do biến động giá cả ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, Công ty thường xuyên thu thập thông tin, thống kê dự báo và nhận định tình hình thị trường của các loại hàng hóa đang kinh doanh.
- **Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty:**

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	Công ty Cổ phần Xi Măng Bim Sơn	Xi măng
2	Công ty Cổ phần Xi Măng Nghi Sơn	Xi măng
3	Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai	Xi măng
4	Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phân bón
5	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	Xăng dầu
6	Công ty Cổ phần nước mắm Thanh Hương	Nước mắm
7	Công ty TNHH Minh Tiến	Phân bón
8	Công ty Cổ phần Hải Châu	Nước mắm
9	Công ty Cổ phần lương thực Thanh Hóa	Gạo
10	Công ty Cổ phần Visaco	Muối

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
11	Công ty TNHH Vico	Chất tẩy rửa

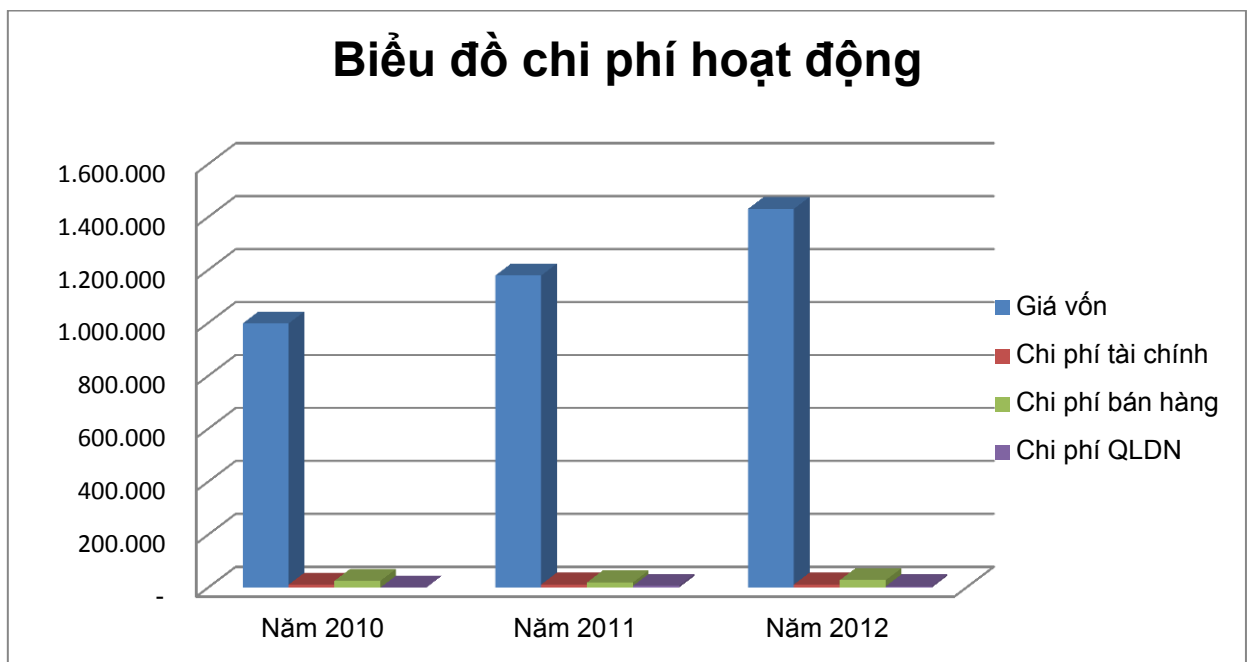
9.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi phí	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn	997.764,7	97,1%	1.178.806,0	98,1%	1.430.701,6	97,6%
2	Chi phí tài chính	11.023,5	1,1%	11.649,9	1,0%	11.770,1	0,8%
3	Chi phí bán hàng	25.611,1	2,5%	19.657,6	1,6%	28.312,3	1,9%
4	Chi phí QLDN	146,7	0,0%	6.741,4	0,6%	5.034,7	0,3%
Tổng		1.034.546,1	100,7%	1.216.854,9	101,3%	1.475.818,7	100,7%

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 đã kiểm toán và BCTC năm 2012 chưa kiểm toán

Giá vốn là chi phí kinh doanh chủ yếu của Công ty, tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty luôn cao hơn doanh thu, chính vì vậy Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm trong 3 năm gần đây. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh theo Báo cáo kết quả kinh doanh vẫn có lãi - do thu nhập khác bù lại - mặc dù không nhiều.



9.1.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Để kiểm tra chất lượng hàng hóa đầu vào, hiện Công ty đã tổ chức các phòng, ban, bộ phận và nhân viên phụ trách kinh doanh nhóm hàng để thực hiện công việc kinh doanh và kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập kho hoặc hàng hóa được chuyển thẳng đến nơi tiêu thụ.

9.1.5. Hoạt động Marketing

Hiện tại công ty không thực hiện hoạt động quảng cáo về Công ty mà chủ yếu hoạt động dựa vào uy tín, thương hiệu của nhà sản xuất, uy tín và mạng lưới phân phối có sẵn của Công ty.

9.2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa**❖ Công nợ phải thu***Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12
Phải thu từ khách hàng	20.915.523.573	20.192.936.383	45.641.070.148
Trả trước cho người bán	2.810.476.641	1.409.210.415	530.000.000
Phải thu nội bộ	-	-	-
Phải thu khác	16.730.906.364	14.081.419.333	16.765.618.342
Tổng cộng	40.456.906.578	35.683.566.131	62.936.688.490

*Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 đã kiểm toán và BCTC năm 2012 chưa kiểm toán***❖ Công nợ phải trả***Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12
Nợ ngắn hạn	83.880.280.551	79.125.819.241	122.205.039.319
Vay và nợ ngắn hạn	55.300.000.000	42.241.389.736	78.720.500.027
Phải trả cho người bán	26.407.440.862	35.677.106.023	41.227.140.859
Người mua trả tiền trước	769.778.622	402.550.463	614.932.818
Các khoản thuế phải nộp	440.556	7.825.463	67.096.008
Phải trả công nhân viên	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả nội bộ	-	-	-
Phải trả khác	1.033.676.758	454.512.245	1.526.047.264
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	368.943.753	342.435.311	49.322.343
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
Nợ dài hạn	-	227.647.698	-

Chỉ tiêu	31/12/10	31/12/11	31/12/12
Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	227.647.698	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-
Tổng cộng	83.880.280.551	79.353.466.939	122.205.039.319

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 đã kiểm toán và BCTC năm 2012 chưa kiểm toán

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	Đồng	50.786.177.455	53.053.561.857	53.670.293.694
2. Nợ vay ngắn hạn	Đồng	55.300.000.000	42.241.389.736	78.720.500.027
<i>Trong đó : Nợ quá hạn</i>	<i>Đồng</i>	-	-	-
3. Nợ vay dài hạn	Đồng	-	-	-
<i>Trong đó : Nợ quá hạn</i>	<i>Đồng</i>	-	-	-
4. Tổng số lao động	Người	338	345	361
5. Tổng quỹ lương	Đồng	8.788.396.553	9.035.970.716	11.242.682.692
6. Thu nhập bình quân 1 người/ tháng	Đồng	2.441.000	2.268.000	3.400.000
7. Tổng doanh thu	Đồng	1.035.192.460.991	1.218.154.107.514	1.477.194.729.142
8. Tổng chi phí	Đồng	1.035.014.159.253	1.217.770.268.187	1.477.024.314.143
9. Lợi nhuận thực hiện	Đồng	178.301.738	383.839.327	170.414.999
10. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	156.014.020	335.859.412	127.811.249
11. Tỷ suất LNST/vốn nhà nước	%	0,31%	0,63%	0,24%

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 đã kiểm toán và BCTC năm 2012 chưa kiểm toán

❖ *Các chỉ tiêu tài chính năm 2010 – 2012*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,99	0,98	0,93
Hệ số thanh toán nhanh	0,68	0,57	0,72
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	63,39%	61,67%	70,08%
Vay/Tổng tài sản	39,86%	30,52%	43,89%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	173,17%	160,90%	234,19%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	49,12	59,51	32,11
Vòng quay các khoản phải trả	37,78	33,04	34,70
Vòng quay hàng tồn kho	37,80	36,37	57,55
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	7,41	8,68	8,17
Chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu chi phí			
Tăng trưởng doanh thu thuần	20,71%	16,96%	21,96%
Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	97,12%	98,10%	97,62%
Tỷ lệ Doanh thu tài chính/Doanh thu thuần	0,62%	0,59%	0,45%
Tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần	1,07%	0,97%	0,80%
Tỷ lệ chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,49%	1,64%	1,93%
Tỷ lệ doanh thu khác/Doanh thu thuần	0,13%	0,78%	0,35%
Tỷ lệ chi phí khác/Doanh thu thuần	0,05%	0,08%	0,08%
Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	0,01%	0,56%	0,34%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02%	0,03%	0,01%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,31%	0,63%	0,24%

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11%	0,24%	0,07%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-0,07%	-0,67%	-0,25%

Nguồn: BCTC năm 2010, năm 2011 đã kiểm toán và BCTC năm 2012 chưa kiểm toán

9.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Thuận lợi:

- Công ty nhận được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự chỉ đạo của các Sở, Ban, Ngành; sự đồng tình ủng hộ của cấp uỷ, chính quyền địa phương huyện, xã; sự tin tưởng của đồng bào các dân tộc miền núi, sự tín nhiệm của các bạn hàng, đồng thời với sự lãnh đạo đúng đắn của các cấp uỷ chi bộ, sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Ban lãnh đạo chuyên môn từ Công ty đến Chi nhánh, cùng với sự đồng tâm hiệp lực, cố gắng của mỗi tập thể, mỗi cá nhân trong toàn Công ty, Công ty đã phát huy nội lực, vượt qua khó khăn để đưa hoạt động Kinh doanh – Phục vụ ngày càng phát triển, thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo toàn vốn và phát triển doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của công ty

❖ Khó khăn:

- Nền kinh tế Việt Nam trong các năm vừa qua bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế làm cho các hoạt động xây dựng cơ bản, các dự án xây dựng bị thiếu vốn dẫn tới tiến độ thi công chậm hoặc ngừng thi công dẫn tới việc khai thác nguồn tiêu thụ của Công ty bị ảnh hưởng ít nhiều.
- Các chính sách Tài chính, tín dụng chưa đồng bộ, năm 2010 Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình từ DNNN sang Công ty TNHH một thành viên, các yếu tố trên ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động kinh doanh Thương mại - Dịch vụ nói riêng
- Công ty kinh doanh trong điều kiện có nhiều khó khăn do địa bàn hoạt động rộng, mạng lưới phân tán, giao thông đi lại khó khăn; kinh tế, xã hội miền núi phát triển chưa đồng đều, giữa các vùng còn có chênh lệch lớn, thu nhập của đồng bào còn ở mức thấp, sức mua bị hạn chế; sản phẩm hàng hoá do đồng bào miền núi sản xuất chưa nhiều.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**10.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Tiền thân của Công ty là Công ty Thương mại miền núi Thanh Hóa được thành lập từ năm 1990, với bề dày lịch sử phát triển 23 năm, Công ty được đánh giá là một trong những Công ty có vị thế lớn của tỉnh Thanh Hóa. Trong suốt quá trình phát triển, Công ty đã xây dựng được hệ thống bán hàng với 14 cụm thương mại, 67 cửa hàng bán lẻ, 25 cửa hàng xăng dầu và hệ thống đại lý bán buôn, bán lẻ trong toàn tỉnh. Với hệ thống kinh doanh như trên, Công ty đã trở thành một đơn vị kinh doanh lớn, có uy tín góp phần không nhỏ trong việc ổn định và xây dựng kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Phát triển kinh tế - xã hội tại các huyện miền núi là một trong nhiệm vụ quan trọng mà Đảng, Nhà nước ta đã đề ra. Trong những năm qua, phát triển kinh tế tại 11 huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa đã được triển khai thực hiện, trở thành nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, hội, đoàn thể chính trị xã hội trong tỉnh nhằm nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng để thúc đẩy sản xuất và phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản từ đó nâng cao đời sống nhân dân tại địa phương.

Cùng với việc nâng cao cơ sở hạ tầng, thúc đẩy sản xuất tại địa phương miền núi, việc giao thương buôn bán hàng hóa, dịch vụ là một hoạt động không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế tại địa phương này. Đây chính là một thị trường rộng lớn để khai thác bên cạnh thị trường bán hàng tại các đô thị đang bị cạnh tranh khốc liệt.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện bằng việc Công ty quyết tâm chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình mới là công ty cổ phần. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay với nền kinh tế thị trường, mô hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động hiện không còn hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh bị hạn chế. Mô hình công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp thích hợp nhất mà các nước tiên tiến nói chung và Việt Nam nói riêng đang áp dụng và phát huy các mặt tích cực của nó trong nền kinh tế. Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ**1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh**

- Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hóa**
- Tên tiếng anh : THANH HOA MOUNTAINOUS TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : TMMN
- Trụ sở chính : Số 100 Triệu Quốc Đạt, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại : 037 3852409
- Fax : 037 3850527
- **Ngành nghề kinh doanh**

Số TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thức ăn gia súc, động vật sống, thóc, ngô, luồng....	46201, 46204, 46209
2	Bán buôn, bán lẻ gạo, lương thực, đồ uống, bán lẻ trong các cửa hàng KD tổng hợp, siêu thị .	4631, 4632, 4633, 4711, 4719, 47191, 47210, 4722, 4723, 4781
3	Bán lẻ đồ dùng gia đình, điện gia dụng, gốm, sứ, thủy tinh và thiết bị gia đình khác	4742, 47511, 47519, 47591, 47592, 47593, 47599, 47892,
4	Bán buôn, bán lẻ đồ uống có cồn: Bia, rượu và nước giải khát...thuốc lá	4633, 46331, 46332, 4634, 46340, 4724, 47240
5	Hàng vật tư kỹ thuật phục vụ SX: Sắt thép, xi măng, tấm lợp, gạch ngói, phân bón...	46622, 46631, 46632, 46633, 46639, 47524, 47525, 46691
6	Bán buôn, bán lẻ mô tô xe máy và phụ tùng mô tô xe máy, bán lẻ xe đạp	4541, 4542, 4543, 47735, 47738,
7	Bán buôn, bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, hàng mỹ phẩm..	4641, 46491, 46493, 26494, 46495, 46498, 46499, 47722, 4771, 4782
8	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhớt, khí đốt và sản phẩm liên quan...	46613, 46614, 47300
9	Bán lẻ hàng hoá vật tư phục vụ tiêu dùng; Dầu hoả, ga , bếp ga...	47735
10	Kinh doanh dịch vụ ăn uống, khách sạn, nhà nghỉ;	55103, 55104, 5610, 9620,

	massage, giặt là, karaoke.	56210
11	Kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ.	49331, 49332, 49333
12	Sản xuất chế biến hàng Nông lâm sản.	1629
13	Bán lẻ giống cây trồng các loại: lúa, ngô, rau, đậu, hoa, cây cảnh, cây ăn quả	01110, 01120, 01181, 01182, 01183, 0121
14	Bán lẻ thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y chăn nuôi.	01610, 01620
15	Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi	4100, 4290
16	Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hoá	52109
	Bảo dưỡng, sửa chữa, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	45200, 45301, 45302, 45303
17	Kinh doanh các ngành nghề khác căn cứ vào năng lực của Công ty, nhu cầu của Thị trường và được pháp luật cho phép	

2. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần

Mô hình tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng ban chức năng, các chi nhánh trực thuộc;

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành và các Hội đồng.

Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của

Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về Báo cáo tài chính Công ty.

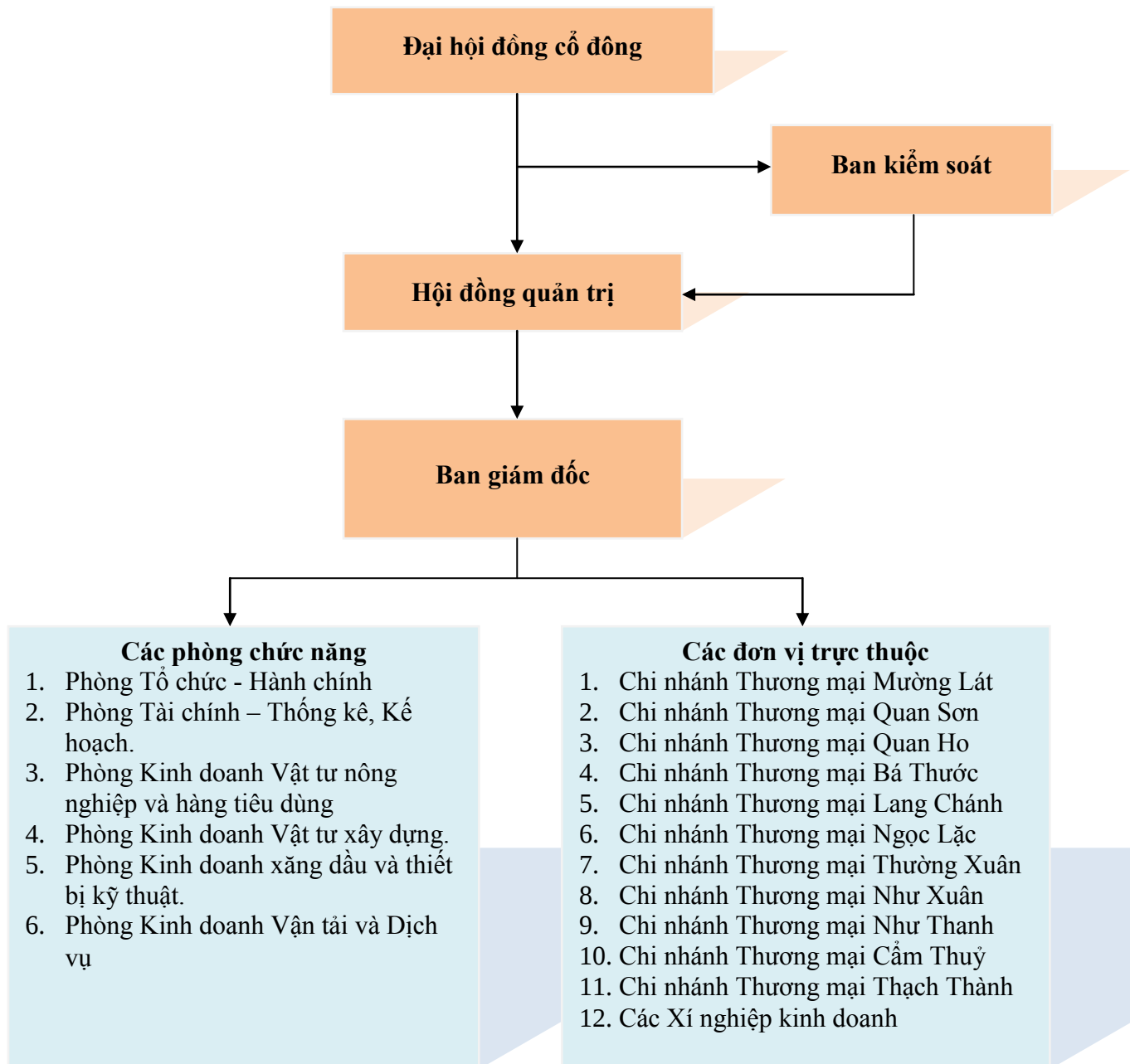
Ban Giám đốc: Do Hội đồng quản trị quyết định và bổ nhiệm. Ban giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động của Công ty trên cơ sở điều lệ và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Các phòng chức năng: Các phòng chức năng có chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu cho lãnh đạo công ty theo chức năng được Chủ tịch công ty qui định.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chức năng.
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Chi nhánh trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Tổ chức hoạt động kinh doanh các lĩnh vực được phân công.

Các chi nhánh trực thuộc: Các chi nhánh có chức năng, nhiệm vụ:

- Tổ chức các hoạt động kinh doanh – phục vụ theo ngành nghề đăng ký kinh doanh trên địa bàn được phân công.
- Ổn định và phát triển thị trường trên địa bàn và ngoài địa bàn.
- Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch công ty giao.
- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao, tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty sau khi cổ phần hóa**3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá****3.1 Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kế sau khi cổ phần hoá**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Vốn điều lệ	Triệu đồng	86.000	86.000	86.000
2. Tổng số lao động	Người	325	325	330

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
3. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	11.700	13.650	16.632
4. Thu nhập bình quân	Triệu/người/tháng	3,0	3,5	4,2
5. Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.450.000	1.530.000	1.600.000
6. Tổng chi phí	Triệu đồng	1.447.000	1.526.300	1.595.000
7. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.300	5.200	7.150
8. Cổ tức	Triệu đồng	3.655	4.420	6.250

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa

3.2 Các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Để thực hiện kế hoạch doanh thu lợi nhuận như đã nêu trên Công ty cần tiến hành đồng bộ và triệt để các công việc sau:

a. Về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ:

Sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy, cán bộ các phòng công ty đến các Chi nhánh, thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ theo nguyên tắc căn cứ yêu cầu công việc để bố trí cán bộ; tăng cường cán bộ trẻ, cán bộ người địa phương có trình độ chuyên môn, có năng lực thực tiễn vào bộ máy cán bộ lãnh đạo chủ chốt, thay thế cán bộ không đáp ứng yêu cầu, tạo nên bộ máy gọn nhẹ, điều hành hiệu quả.

b. Về lao động :

Tiếp nhận số lao động từ công ty nhà nước chuyển sang, trên cơ sở đó rà soát, sắp xếp lại lao động ở tất cả các khâu từ Văn phòng công ty đến các Chi nhánh. Thực hiện định mức lao động cho từng đơn vị, từng phòng, từng bộ phận theo yêu cầu thực tế của công việc; phân công, bố trí sắp xếp lao động theo trình độ chuyên môn phù hợp với từng công việc và năng lực sở trường của từng người nhằm sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động; Tuyển dụng lao động mới có trình độ chuyên, kết hợp với công tác đào tạo để phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng lao động nói chung và đội ngũ cán bộ lãnh đạo nói riêng.

c. Về kinh doanh:

❖ Kinh doanh hàng hoá:

- Đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng chủ lực phục vụ phát triển Kinh tế – Xã hội miền núi như: Xi măng, phân bón, xăng dầu..., phục vụ phát triển sản xuất.
- Ổn định và phát triển kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu : muối iốt, gạo và các mặt hàng tiêu dùng khác phục vụ nhu cầu đa dạng của đồng bào miền núi;

khai thác hiệu quả các chương trình, dự án chính sách phát triển kinh tế xã hội miền núi, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

❖ Kinh doanh dịch vụ:

- Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư mở rộng kinh doanh loại hình dịch vụ: ăn uống, giải khát, nhà nghỉ, karaoke... phục vụ cho nhu cầu phát triển của xã hội.
- Cùng cố đội xe vận tải, đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư mua sắm thêm phương tiện khai thác kinh doanh dịch vụ vận tải.

d. Về thị trường và mạng lưới kinh doanh

- Xác định thị trường trong tỉnh là chính mà chủ yếu là thị trường miền núi, kết hợp với phát triển thị trường ngoài tỉnh, từng bước mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa với nước bạn Lào, trước mắt khai thác lợi thế thương mại các cửa khẩu, tiến tới có mặt hàng xuất khẩu.
- Cùng cố lại hệ thống mạng lưới trên miền núi theo hướng xây dựng các tổ hợp Thương mại – Dịch vụ tại các trung tâm huyện, các cửa hàng kinh doanh tổng hợp tại trung tâm cụm xã và các cửa hàng bán lẻ bán các mặt hàng chủ lực, hàng tiêu dùng thiết yếu tại khu đông dân cư, đến các công trình theo hình thức bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng.

e. Về vốn và cơ chế quản lý tài chính

❖ Về vốn :

- Đổi mới nhận thức về nguồn trong công tác quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích tiền vốn:
 - ✓ Đối với nợ phải trả : Tiếp tục thực hiện trách nhiệm thanh toán các khoản nợ phải trả cho chủ nợ, kể cả nợ cán bộ công nhân viên.
 - ✓ Đối với các khoản nợ phải thu: Tiếp tục triển khai các biện pháp thu hồi các khoản nợ phải thu của Doanh nghiệp chuyển đổi (trừ những khoản nợ kéo dài mà người nợ không còn khả năng thanh toán) và thu hồi các khoản nợ khi đến hạn. Xử lý công nợ khó thu theo cơ chế dự phòng của doanh nghiệp .
- Về cơ chế quản lý tài chính:
 - ✓ Xây dựng, ban hành qui chế quản lý tài chính nội bộ .
 - ✓ Ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật, chi phí...trong phạm vi nội bộ Công ty trên nguyên tắc thực hiện công khai, minh bạch theo qui định của Nhà nước nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh; Thực hiện phân cấp, giao quyền mở rộng quyền tự chủ cho các Chi nhánh theo nguyên tắc tự hạch toán, bảo đảm bù đắp chi phí và có lãi, gắn trách nhiệm cho từng chức danh đối với công việc.

f. Về chính sách đối với người lao động

Để khuyến khích người lao động tích cực làm việc, tăng năng suất lao động, nâng cao thu nhập, Công ty thực hiện việc định mức lao động và trả lương cho người lao động theo từng chức danh, công việc trên cơ sở hiệu suất công tác và năng suất lao động gắn với hiệu quả kinh doanh và kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch của từng đơn vị.

g. Về công tác Đảng và các đoàn thể

Duy trì cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng và các tổ chức đoàn thể ở Văn phòng Công ty và các Chi nhánh như hiện nay. Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở từng đơn vị, phát huy vai trò phối hợp, tham gia quản lý của các tổ chức đoàn thể quần chúng trên cơ sở qui định của pháp luật và Điều lệ của mỗi tổ chức.

4. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa**❖ Về kinh doanh hàng hoá:**

Đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng chủ lực phục vụ phát triển sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ đời sống đồng bào các dân tộc miền núi, lấy hiệu quả kinh tế làm mục tiêu phấn đấu gắn với mở rộng kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ. Tập trung chủ yếu vào kinh doanh các mặt hàng Xăng dầu, Vật tư xây dựng (xi măng, sắt thép, gạch ngói...), Vật tư nông nghiệp (phân bón, giống cây trồng...) và hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày của nhân dân (Gạo, muối, nước mắm, hàng đồ dùng gia đình...). Phấn đấu các chỉ tiêu cơ bản có mức tăng trưởng hàng năm từ 5% trở lên.

❖ Về kinh doanh dịch vụ:

Củng cố hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, mở rộng khai thác hoạt động kinh doanh cho thuê kho, gửi hàng, trông giữ xe ô tô, đồng thời mở thêm các dịch vụ khác như cho thuê văn phòng, vận tải, sửa chữa ...

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần**❖ Vốn điều lệ**

- Vốn điều lệ: 86.000.000.000 đồng .
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần.
- Số lượng cổ phần: 8.600.000 cổ phần.

❖ Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)		Tỷ lệ vốn góp (%)
		Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	
1	Cổ phần nhà nước	4.386.000	43.860.000.000	51,00

Stt	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)		Tỷ lệ vốn góp (%)
		Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	
2	Cán bộ công nhân viên	1.034.800	10.348.000.000	12,04
3	Nhà đầu tư chiến lược	1.589.600	15.896.000.000	18,48
4	Các nhà đầu tư qua đấu giá	1.589.600	15.896.000.000	18,48
	Tổng cộng	8.600.000	86.000.000.000	100

❖ **Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:**

Trong giai đoạn 2013 – 2015, Công ty dự kiến vốn điều lệ là 86 tỷ đồng, tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế kinh doanh của Công ty, các biến động về vốn lưu động.... Công ty sẽ xây dựng kế hoạch huy động vốn cụ thể, linh hoạt theo từng kỳ kinh doanh của Công ty.

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

❖ **Đối với người lao động**

Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

- Tổng số lao động được mua ưu đãi: 338 người
- Tổng số năm công tác: 3.792 năm
- Tổng số cổ phần người lao động được mua ưu đãi: 1.034.800 cổ phần, trong đó:
 - ✓ Số cổ phần được mua giá ưu đãi : 379.200 cổ phần
 - ✓ Số cổ phần ưu tiên đăng ký mua thêm : 655.600 cổ phần
- Tỷ lệ chiếm 12,04 % vốn điều lệ
- Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp với giá ưu đãi bằng 60% giá đầu thành công thấp nhất.

❖ **Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

- Nhà đầu tư chiến lược là các doanh nghiệp có đủ các điều kiện theo qui định tại Điều 37, Nghị định 59/2011/NĐ-CP, đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt lựa chọn, gồm:
 - ✓ Công ty TNHH Minh Tiến.
 - ✓ Công ty cổ phần hoá dầu quân đội.
- Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 1.589.600 cổ phần

- Tỷ lệ chiếm 18,48% vốn điều lệ.

❖ **Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai**

- Cổ phần bán đấu giá: 1.589.600 cổ phần (tương đương với 18,48% Vốn điều lệ)
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần

Trình tự thủ tục và các quy định cụ thể về tham dự đấu giá được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành;
- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên: do Ban Chỉ đạo cổ phần hoá quy định.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ

- ❖ Tiền thu từ cổ phần hóa để lại doanh nghiệp phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá; phần thặng dư vốn (nếu có) được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, nếu thiếu được bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- ❖ Phần còn lại (nếu có) được xử lý như sau:
 - Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa toàn bộ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phần giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt theo mệnh giá;
 - Phần còn lại (nếu có) được phân chia: Để lại cho công ty cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ; Phần còn lại Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa toàn bộ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về nền kinh tế

Với ngành nghề kinh doanh thương mại, chủ yếu là vật liệu xây dựng, phân bón,... hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà xưởng, đường giao thông và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển sản

xuất kinh doanh ngày càng nhiều, qua đó đẩy mạnh cầu về tiêu thụ hàng hóa, đem lại cơ hội phát triển và gia tăng doanh thu, thị phần tiêu thụ cho Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nhu cầu đầu tư xây dựng, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự phát triển của ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và của Công ty nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây lên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro hoạt động:

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ, cung ứng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ phục vụ cho phát triển sản xuất và đời sống chủ yếu trong vùng các huyện nghèo miền núi trong tỉnh. Mặt khác điều kiện tự nhiên, đặc điểm ở miền núi như thiên tai, sạt lở, hạn hán, mất mùa...thường xảy ra, năng suất cây trồng, vật nuôi, thu nhập, đời sống của người dân khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động mua, bán của Công ty.

❖ Rủi ro biến động giá hàng hóa đầu vào:

Với đặc thù là một đơn vị kinh doanh thương mại, giá cả hàng hóa mua vào phụ thuộc rất lớn vào các nhà sản xuất, nhà phân phối. Đặc biệt là các mặt hàng là vật liệu xây dựng, xăng dầu, giá cả trong các năm vừa qua biến động không ngừng và khó kiểm soát. Các biến động về giá cả này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro về lãi suất và huy động vốn:

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành thương mại luôn cần một lượng vốn lưu động khá lớn để tích trữ hàng hóa cho hoạt động bán hàng. Khi lãi suất ngân hàng tăng cao, Công ty có thể gặp rủi ro trong việc tiếp cận nguồn vốn vay để kinh doanh và chịu mức lãi suất cao làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

5. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mối quan hệ cung cầu

này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đầu giá.

6. Các rủi ro khác

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Công ty là ngày 31/12/2011) thì xử lý như sau:

a) Nếu do nguyên nhân khách quan:

- Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; dịch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần.

b) Nếu do nguyên nhân chủ quan:

- Nếu lỗi do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;
- Nếu lỗi do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;
- Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục a nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

X. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đầu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty TNHH MTV Thương mại miền núi Thanh Hóa, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.

Thanh Hóa, ngày tháng 03 năm 2013
ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN LƯƠNG THẮNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HÓA
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐÌNH TỰ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC TIẾN